

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 30 - 12 - 2020

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Nguyệt**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Hồng**
Ông **Lê Thị Vân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 322/2020/QĐ-PT ngày 24/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Thanh S**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp BT, xã TMC, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 15/10 NS, Phường A, thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng

Do có kháng cáo của: Bà **Huỳnh Thị Đ** – Bị đơn

(Bà Đ có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông **Bùi Thanh S** trình bày: Ông và bà **Huỳnh Thị Đ** kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMC, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, không có sự chia sẻ về mọi mặt, vợ chồng đã sống ly thân gần một năm. Nay ông nhận thấy mục đích hôn nhân giữa các bên không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Không có

Về nợ chung và tài sản chung: Không có

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai bị đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Bà và ông S kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMC, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Trong cuộc sống gia đình đôi lúc có phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhất, không lớn. Nay ông S xin ly hôn bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông S .

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Vợ chồng có căn nhà trên đất, diện tích 52m² tại số 15/10 đường NS, Phường A, thành phố ĐL. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng bà có nợ bà Huỳnh Thị D, địa chỉ tại Ấp ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang 140.000.000đ tiền huê. Ngoài ra còn nợ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ tại 72C BĐ, Phường A, thành phố ĐL số tiền 20.000.000đ. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên hòa giải không thành.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

Cho ly hôn giữa ông Bùi Thanh S và bà Huỳnh Thị Đ .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 06/10/2020 bị đơn bà Huỳnh Thị Đ kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông S để hai bên được đoàn tụ vì bà vẫn còn tình cảm với ông S .

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, bà vẫn còn tình cảm với ông S nên không đồng ý ly hôn.

Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm: Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông S, bà Đ đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, căn cứ khoản 1, Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông S và bà Đ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông S xin ly hôn, bà Đ không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Xin ly hôn*” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ của bà Đ thì thấy rằng:

Quá trình chung sống giữa ông S và bà Đ đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau. Từ tháng 9/2019 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Bà Đ hiện đang sống ở ĐL còn ông S đã chuyển về Tiền Giang, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Đ mong muốn đoàn tụ nhưng không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về con chung: Không có; Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh S và bà Huỳnh Thị Đ được ly hôn.
2. Về án phí: Buộc ông Bùi Thanh S phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017252 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông S đã nộp đủ án phí.

Buộc bà Huỳnh Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003265 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt